

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG

(*Xuất dương lưu biệt*)

(*1 tiết*)

PHAN BỘI CHÂU

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Thấy được đặc điểm nổi bật của hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ : có hoài bão lớn, có tinh thần hành động, có thái độ lựa chọn dứt khoát khi theo đuổi lí tưởng của đời mình và bao trùm lên tất cả là lòng yêu nước cháy bỏng.

– Cảm nhận được giọng điệu hào hùng, cách dùng chữ mạnh bạo, mạch liên tưởng đầy phóng túng của bài thơ thể hiện rõ phong cách nghệ thuật Phan Bội Châu.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Hoàn cảnh ra đời và văn bản bài thơ

Sau khi tham gia thành lập Duy tân hội, đầu năm 1905, theo chủ trương của tổ chức, Phan Bội Châu nhận nhiệm vụ xuất dương tới Trung Quốc rồi Nhật Bản, mở đầu phong trào Đông du, đặt cơ sở đào tạo cốt cán cho cách mạng trong nước và cầu Nhật giúp Việt Nam đánh Pháp. Lúc này đất nước đã mất chủ quyền, ngọn lửa của phong trào Cần vương đã tắt, báo hiệu sự bế tắc của con đường cứu nước theo tư tưởng phong kiến do các sĩ phu lãnh đạo. Thời cuộc thay đổi đòi hỏi phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phải có phương hướng, nội dung và hình thức hoạt động mới. Phan Bội Châu lúc này còn tương đối trẻ (ba mươi tám tuổi), là hình ảnh tiêu biểu của một thế hệ cách mạng mới, quyết tâm vượt mình, vượt qua giáo lí đã lỗi thời của đạo Nho để đón nhận luồng tư tưởng tiên phong trong giai đoạn bấy giờ, mong tìm ra hướng đi mới cho sự nghiệp khôi phục giang sơn. Phong trào Đông du được nhóm lên cùng với bao hi vọng... *Lưu biệt khi xuất dương* được viết ra trong bữa cơm ngày Tết mà Phan Bội Châu tổ chức tại nhà mình để chia tay các đồng chí trước lúc lên đường. Về sau, trên *Bình sự tạp chí* (Hàng Châu, Trung Quốc) số 34 (tháng 2-1917),

Phan Bội Châu cho đăng bài thơ này dưới nhan đề *Đông du kí chú đồng chí* (Gửi các đồng chí khi Đông du) với một vài sửa đổi về câu chữ :

– Câu thứ nhất : *Đỉnh thiên lập địa hảo nam nhi* (Đội trời đạp đất, đó là chí nguyện của đấng nam nhi đích thực).

– Câu cuối : *Côn ba kinh lãng nhất tế phi* (Côn kinh sóng cuộn nhất tế bay lên)...

Văn bản được sử dụng trong SGK in theo *Văn thơ Phan Bội Châu chọn lọc*, NXB Văn học, H., 1967.

b) Về đặc thù của thơ văn tuyên truyền, vận động cách mạng đầu thế kỉ XX

Bám sát phần *Tri thức đọc - hiểu* của SGK để nắm được nét đặc thù của loại hình sáng tác này, từ đó, lựa chọn hướng dạy học thích hợp đối với bài thơ. Cần cho HS hiểu được : Phan Bội Châu tuy văn tài lỗi lạc nhưng không bao giờ xem văn chương là mục đích của đời mình. Ông chỉ muốn dùng nó để xóc người đời (đặc biệt là tầng lớp thanh niên) đứng dậy làm cách mạng, cứu nước, cứu dân. Với định hướng này, sáng tác của ông có được một màu sắc đặc biệt, chứa đựng những xúc cảm mãnh liệt khiến người đọc không thể ngồi yên một khi đã được tiếp xúc với nó. Có thể nói thơ văn Phan Bội Châu là thành tựu rực rỡ bậc nhất của loại thơ văn tuyên truyền vận động cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX. Cần chú ý thêm : không nên đối lập một cách máy móc thơ trữ tình với thơ tuyên truyền vận động cách mạng. Thơ tuyên truyền vận động cách mạng cũng có thể tràn đầy tính trữ tình, có thể là những bài thơ trữ tình đích thực. Ngược lại, thơ trữ tình cũng có thể giàu tính tuyên truyền, được xem là thơ tuyên truyền nếu ta xét tới khả năng lôi cuốn người đọc hướng theo một lí tưởng chính trị – xã hội nhất định.

2. Về phương pháp

Xem phần hướng dẫn thảo luận – trả lời các câu hỏi (những điểm lưu ý về phương pháp dạy học đã được trình bày lồng vào trong đó).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân mở đầu

GV yêu cầu HS đọc phần *Tiểu dẫn* để nắm bắt được những thông tin cơ bản về con người, sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp văn học của Phan Bội Châu cùng hoàn cảnh ra đời của bài thơ. Cần giải thích nhan đề tác phẩm và nhấn mạnh :

đây là sáng tác khởi đầu của một giai đoạn hoạt động cách mạng khá thành công và đầy hào hứng của tác giả.

2. Phần nội dung chính

– Cho HS đọc bài thơ (cả bản phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ). Nhắc nhở về cách đọc : giọng dứt khoát, mạnh mẽ, truyền được niềm hứng khởi toát lên từ bài thơ.

– Đặt câu hỏi kiểm tra mức độ thông hiểu của HS về nghĩa đen một số từ ngữ trong bản dịch thơ.

– Hướng dẫn đọc - hiểu trên cơ sở thảo luận – trả lời các câu hỏi nêu trong phần *Hướng dẫn học bài*.

Câu hỏi 1

Cú pháp của thơ Đường luật cổ điển về cơ bản là cú pháp độc lập. Ở đó, quan hệ từ thường bị gạt bỏ khiến cho mối liên hệ giữa các cụm từ trở nên thiếu xác định và khó nắm bắt. Khi dịch, nhất là dịch nghĩa bằng hình thức văn xuôi, người dịch buộc phải làm rõ nghĩa bằng cách đưa thêm vào các quan hệ từ. Điều này nhiều khi làm thu hẹp nghĩa của văn bản. Bản dịch nghĩa của SGK cố tình bảo lưu đặc điểm nói trên trong cú pháp của nguyên tác. Do vậy, yêu cầu giải nghĩa các câu thơ vẫn cần được đặt ra, không thể cho rằng việc đó đã được bản dịch nghĩa đảm nhiệm.

Bốn câu đầu của bài thơ nhắc lại quan niệm về "chí làm trai" của các nhà nho xưa với tinh thần khẳng định. Theo đó, khát vọng làm những việc lớn của nhân vật trữ tình cũng được thể hiện một cách sâu sắc. Câu thứ nhất đã được bản dịch nghĩa làm rõ ý. Câu thứ hai có thể được hiểu như một lời tự nhắc nhở, một phản vấn : lẽ nào để trời đất tự vận xoay tới đâu thì tới mà mình là kẻ đứng ngoài, vô can ? Câu thứ ba không chỉ đơn giản xác nhận sự có mặt của nhân vật trữ tình ở trên đời mà còn hàm chứa một tâm niệm : ta hiện diện không phải như một sự kiện ngẫu nhiên, vô ích và vì vậy, ta phải làm được một việc gì đó có ý nghĩa cho đời. Câu thứ tư có tài liệu dịch nghĩa : Còn như chuyện ngàn năm sau thì có người sắp tới. Có thể nói rõ ý hơn là : Ngàn năm sau lẽ nào chẳng có người nối tiếp công việc của người trước ? Như vậy, hai câu 3 – 4 cho thấy rõ *cái tôi đầy trách nhiệm* của nhà thơ : thấy việc không thể không làm, không ỷ lại cho ai. Hơn thế, *cái tôi* ấy thấy rõ lịch sử là một dòng chảy liên tục, có sự góp mặt, sự tham gia gánh vác công việc của nhiều thế hệ.

Hai từ *hi kì* (hiếm, lạ, khác thường) ở câu 1 cần được hiểu như những từ nói về tính chất lớn lao, trọng đại, kì vĩ của công việc mà kẻ làm trai phải gánh vác. Trước Phan Bội Châu, đã có nhiều người phát biểu về vấn đề này trong thơ : "Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán - Phá vòng vây bạn với kim ô" (*Chim trong lồng* – Nguyễn Hữu Cầu), "Đã mang tiếng ở trong trời đất - Phải có danh gì với núi sông" (*Đi thi tự vịnh* – Nguyễn Công Trứ), "Chí làm trai nam bắc tây đông - Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể" (*Chí khí anh hùng* – Nguyễn Công Trứ),... Từ *lạ* trong bản dịch thơ rõ ràng chưa thể hiện được hết ý tứ của hai từ *hi kì* trong nguyên tác.

Câu hỏi 2

GV cần chi tiết hoá vế sau của câu hỏi trong SGK thành các câu hỏi nhỏ hơn, ví dụ : Thế nào là nền học vấn cũ ? Từ ngữ nào thể hiện rõ thái độ đánh giá của nhà thơ đối với nó ? Nguyên nhân của thái độ đó là gì ? Nền học vấn cũ đã được nhìn nhận từ góc độ nào ?,...

Từ ngữ thể hiện thái độ quyết liệt và tình cảm đau đớn của nhà thơ trước thực trạng đất nước : *tử hĩ* (đã chết), *nhuế* (nhục), *si* (ngu).

Thái độ của nhân vật trữ tình đối với nền học vấn cũ là thái độ chối bỏ đầy tinh thần cách mạng. Phải biết đặt bài thơ vào hoàn cảnh ra đời của nó ta mới có thể hiểu sâu sắc nguyên nhân của thái độ này. Mang trong lòng ý chí giải phóng dân tộc cùng nỗi nhục mất nước, lại chịu ảnh hưởng của Tân thư (sách báo tuyên truyền cho tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, tư tưởng cải cách xã hội theo mô hình Âu – Mĩ,... được dịch qua hoặc được viết bằng Hán văn, đưa tới từ Trung Quốc), Phan Bội Châu nhìn thấy sự vô ích của cái học, kiểu học cũ trước những đòi hỏi mới của đất nước, thời đại. Ông thực sự dè bủ kiểu ứng xử "nhắm mắt làm ngơ" trước thực tại, chỉ biết tụng niệm giáo lí "thánh hiền" trong khi linh hồn của nó thì đã tiêu vong tự đời nào.

Lưu ý : Trong khi hướng dẫn HS trả lời Câu hỏi 2, không nên cường điệu vấn đề tới mức cho rằng Phan Bội Châu đã phủ nhận Nho giáo. Vốn là người được đào tạo nơi "cửa Khổng sân Trình", hiển nhiên Phan Bội Châu hiểu vai trò vô cùng to lớn của đạo Nho trong việc xây dựng một thiết chế tinh thần nhằm tổ chức và quản lí xã hội trong suốt mấy nghìn năm tồn tại của chế độ phong kiến. Ông cũng thấm thía ý nghĩa của cái học nho gia trong việc đào luyện nhân cách con người phù hợp với đòi hỏi của một thời kì lịch sử. Vấn đề ông muốn phát biểu ở bài thơ chủ yếu là vấn đề thái độ đối với đất nước trong hiện tại. Cái mà ông kêu gọi chính là sự thức thời, là tinh thần hành động vì

sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đây chính là hệ quy chiếu mà ông đã dùng để đánh giá, nhìn nhận tất cả những vấn đề còn lại.

Trước đây, Nguyễn Khuyến từng than : "Sách vở ích gì cho buổi ấy - Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già" (*Ngày xuân dạy các con*). Câu thơ đầy chiêm nghiệm, có niềm tủi thẹn và thoáng nghĩ ngờ về tính hữu dụng của cái học từ chương "nhai văn nhá chữ" trong bối cảnh đất nước đã lọt vào tay giặc (mà nhà thơ gọi bóng gió là *ngày loạn*). Với Phan Bội Châu, thái độ không dừng ở mức nghĩ ngờ. Tình thế đất nước vào buổi ông lên đường đã khác nhiều, hơn nữa, với cá tính mạnh mẽ của một con người ưa hành động, tràn đầy nhiệt huyết, ông đã đưa vào bài thơ của mình những từ đầy cảm hứng phủ định, thật quyết liệt và rất gây ấn tượng. Phải nói rằng với những từ dùng mạnh bạo như thế, thơ ông có khả năng tác động tới độc giả rất sâu sắc. Đằng sau sự hấp dẫn của cách nói là sự hấp dẫn của cốt cách một con người ! Các từ *nhục*, *hoài* trong bản dịch thơ chưa thực sự truyền lại đầy đủ khí lực dồi dào của các từ *đồ nhục*, *si* trong nguyên tác.

Câu hỏi 3

Mong muốn của tác giả thể hiện trong hai câu 7 – 8 là đuổi theo cơn gió lớn qua biển Đông, cũng có nghĩa là tìm ra con đường đi mới cho lịch sử đất nước, tìm ra trường hoạt động mới để thân nam nhi được thoả chí bình sinh. (Cần chú ý : Nếu nói tác giả muốn sang Nhật để mở đầu cho phong trào Đông du cũng không sai, nhưng như thế là chưa thấy hết được bề sâu khát vọng của tác giả – nhân vật trữ tình và cũng chưa lĩnh hội được ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh thơ).

Với câu cuối cùng của bài thơ, bản dịch không hoàn toàn bám sát ý nguyên tác, đã chuyển một khát vọng, một dự cảm, một liên tưởng bất chợt, một hình ảnh giàu tính biểu tượng thành sự tường thuật – miêu tả thực tế, do vậy, chưa truyền đạt được phong độ hào hùng, niềm hăm hở dẫn thân cùng trí tưởng tượng bay bổng của nhà thơ. Tâm thế cùng tư thế của nhân vật trữ tình lúc này là muốn lao ngay vào một trường hoạt động mới mẻ, sôi động ; bay lên làm quấy sóng đại dương hay bay lên cùng những đợt sóng trào sôi vừa thoáng hiện trong tâm tưởng.

Câu hỏi 4

Muốn trả lời tốt câu hỏi này, ngoài việc bám sát văn bản bài thơ, phải có những hiểu biết nhất định về vai trò ngọn cờ cách mạng của Phan Bội Châu trong các thập niên đầu của thế kỉ XX cùng một số kiến thức lịch sử, văn hoá khác. GV có thể nêu khái quát những nguyên nhân sau :

– Đằng sau lời lẽ hào hùng của bài thơ là khí chất hăng hái và nhiệt huyết tràn đầy của một nhân cách đáng ngưỡng mộ.

– Bài thơ chứa đựng những tư tưởng mới, mang tính cách mạng về sự nghiệp cứu nước, vốn được thanh niên thời đại hăm hở đón chào và tin tưởng.

– Bài thơ đánh trúng vào nỗi nhục mất nước mà mọi người Việt Nam phải chịu đựng cũng như kích thích được bản tính ưa hành động của thanh niên.

– Bài thơ gọi ra cả một trường hoạt động rộng rãi cho những người đang muốn làm một cái gì đó có ý nghĩa cho đất nước,...

3. Phân củng cố

Có thể nêu một số câu hỏi yêu cầu HS phát biểu cảm nghĩ về hình tượng nhân vật trữ tình và đánh giá khái quát về giá trị của bài thơ. GV chốt lại :

– Hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ là hình tượng một người anh hùng tràn đầy ý thức về *cái tôi* của mình – một *cái tôi* luôn thao thức về sự tồn vong của giống nòi, dân tộc.

– Bài thơ được viết theo bút pháp ước lệ, phóng đại của thơ tỏ chí cổ điển rất cần thiết cho nhu cầu cổ vũ, động viên. Nỗi đau, niềm lạc quan, nhiệt tình hành động cùng tư tưởng cách mạng của tác giả thực sự đã thổi hồn vào từng câu chữ, hình ảnh vốn đã quen, khiến chúng vẫn mang đậm dấu ấn cá nhân người viết và có được sức lay động thấm thía.

– Đây là bài thơ từ biệt mà cũng là bài thơ mời gọi lên đường. Nó hoàn toàn tương xứng với tâm vóc của một con người được cả dân tộc ngưỡng vọng và tin tưởng vào thời điểm lịch sử khi đó.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Chí làm trai đã được nhân vật trữ tình khẳng định trên cơ sở :

– Nhận thấy nó phù hợp với khát vọng khẳng định *cái tôi* cá nhân giữa cuộc đời.

– Nhận thấy nó phù hợp với yêu cầu của đất nước, của thời cuộc về một thế hệ thanh niên biết "Xúm vai vào xốc vác cự giang san", khôi phục lại chủ quyền dân tộc đã mất.

– Nhận thấy nó là điều kiện cần thiết để kéo những kẻ còn bị cầm tù bởi nền học vấn cũ ra khỏi cơn mê để tìm hướng đi mới cho lịch sử.

Quan niệm về "chí làm trai" của Phan Bội Châu về cơ bản vẫn nằm trong vòng ý thức hệ nho gia. Nó thật gần gũi với những điều đã được phát biểu trong

các bài thơ của Phạm Ngũ Lão, Đặng Dung, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Công Trứ,... Nó cũng gắn liền với mấy chữ "công danh" mà các bậc chính nhân quân tử xưa vẫn ao ước tạo dựng. Mặc dù vậy, không thể không nhận thấy những nét mới trong quan niệm của Phan Bội Châu trên vấn đề này và điều đó có được chủ yếu nhờ sự nhạy cảm của chính nhà thơ trước những đòi hỏi mới của đất nước, của thời đại. Đối với Phan Bội Châu, chuyện "lưu danh thiên cổ" của một cá nhân chưa phải là mục đích tối hậu. Đích nhắm đến của ông là khôi phục chủ quyền của đất nước. Kẻ làm trai, trước hết phải thấy rõ trách nhiệm của mình với cộng đồng, thấy việc không thể không làm, không cần phải băn khoăn nhiều về khả năng sự nghiệp bị bỏ dở dang, bởi "Sau này muôn thuở há không ai?". Thêm nữa, điều quan trọng là phải biết dứt khoát từ bỏ cái học từ chương, sách vở đã trở thành một lực cản trên đường đi của kẻ mang hoài bão cứu dân, cứu nước. Rõ ràng, xét ở mức độ nào đó, quan niệm về "chí làm trai" của Phan Bội Châu đã có phần vượt lên quan niệm cũ từng được khẳng định trong suốt thời trung đại.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– *Phan Bội Châu – Về tác gia và tác phẩm*, Chương Thâu – Trần Ngọc Vương tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, 2006.

– Đặng Thai Mai, *Văn thơ Phan Bội Châu*, NXB Văn hoá, bản in lần thứ hai, H., 1960.